

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 01 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Anh Minh;
2. Bà Nguyễn Thụy Minh Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 490/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Võ Văn B, sinh 1988; địa chỉ thường trú: Ấp M, xã Đ, huyện C, tỉnh M; tạm trú: Ô 18, DC 49, tổ 17, khu phố 4, phường A, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Bà Lê Ngọc C, sinh năm 1985; địa chỉ thường trú: Ấp D, xã Đ, huyện C, tỉnh T; tạm trú: A20/20 tổ 19, khu phố B, phường G, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23-4-2021, các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Võ Văn B trình bày:

Ông Võ Văn B và bà Lê Ngọc C tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh A theo giấy

chứng nhận đăng ký kết hôn số 47/2013, quyển số 01/2013 cấp ngày 17/6/2013.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn về tiền bạc dẫn đến vợ chồng cãi nhau và đánh nhau. Hiện vợ chồng đã sống ly thân nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Nay ông B xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên ông B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông B được ly hôn với bà Lê Ngọc C.

Về con chung: Quá trình chung sống, ông Võ Văn B và bà Lê Ngọc C có 01 (một) người con chung tên Võ Nhất A, sinh ngày 13/01/2014. Tại phiên tòa, ông B thay đổi yêu cầu khởi kiện về con chung. Ông B đồng ý giao con chung cho bà Lê Ngọc C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng: Ông B tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 3.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31-5-2021 và các lời khai trong quá trình tố tụng, bị đơn Lê Ngọc C trình bày:

Thông nhất ý kiến trình bày của ông B về thời gian chung sống, điều kiện kết hôn. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng để vợ chồng phải ly hôn. Nay bà C xác định vẫn còn tình cảm với ông B, thương con do con còn nhỏ cần sự chăm sóc và quan tâm của cả cha lẫn mẹ nên bà C không đồng ý ly hôn mong muốn gia đình quay về đoàn tụ.

Về con chung: Thông nhất quá trình chung sống ông Võ Văn B và bà Lê Ngọc C có 01 (một) người con chung tên Võ Nhất A, sinh ngày 13/01/2014. Hiện con chung còn nhỏ và đang ở cùng bà C nên bà C không đồng ý giao con chung cho ông B nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Thông nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

Vị đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định tại Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về xét xử sơ thẩm.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ và thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của nguyên đơn.

Những yêu cầu, kiến nghị đề khắc phục vi phạm về tố tụng: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Võ Văn B có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Lê Ngọc C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và yêu cầu giải quyết về con chung nên quan hệ tranh chấp trong vụ án này là ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về thẩm quyền giải quyết: Căn cứ đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện thể hiện bị đơn bà Lê Ngọc C có đăng ký tạm trú và sinh sống tại địa chỉ A20/20 tổ 19, khu phố B, phường G, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân:

Nguyên đơn ông Võ Văn B và bà Lê Ngọc C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh A theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 47/2013, quyền số 01/2013 cấp ngày 17/6/2013 nên hôn nhân là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Quá trình tố tụng, ông Võ Văn B cho rằng cuộc sống hôn nhân giữa bà và bà Lê Ngọc C không hòa hợp, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 02/2021 đến nay. Tháng 3/2021 ông B có nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bà Lê Ngọc C, nhưng đã rút đơn để gia đình quay về đoàn tụ. Nay ông B xác định không còn tình cảm với bà C nên yêu cầu Tòa án chấp nhận cho ly hôn với bà Lê Ngọc C. Bà C không đồng ý ly hôn với ông B, bà C xác định vẫn còn tình cảm với ông B, do con còn nhỏ cần sự chăm sóc và quan tâm của cả cha lẫn mẹ nên mong muốn gia đình đoàn tụ. Xét: Cuộc sống hôn nhân thực tế giữa ông B và bà C đã mâu thuẫn, vợ chồng không có sự đồng cảm, không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng sống đã sống ly thân nhau, đời sống chung không thể kéo dài, vợ chồng không có khả năng hàn gắn tình cảm để quay về đoàn tụ, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông B.

[4.2] Về con chung: Quá trình chung sống, ông Võ Văn B và bà Lê Ngọc C có 01 (một) người con chung tên Võ Nhất A, sinh ngày 13/01/2014. Tại đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông B đồng ý giao con chung cho bà Lê Ngọc C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục. Và tự nguyện thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 3.500.000 đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi nên ghi nhận.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông B và bà C thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 266 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 55, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án năm 2016.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Võ Văn B về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” với bà Lê Ngọc C.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Văn B được ly hôn với bà Lê Ngọc C.

- Về con chung: Giao con chung tên Võ Nhất A, sinh ngày 13/01/2014 cho bà Lê Ngọc C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

- Về cấp dưỡng: Ông Võ Văn B có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con đủ 18 tuổi. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ tháng 02/2022.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc

thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Ông Võ Văn B phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0055436 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương. Ông B còn phải nộp số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- THADS thành phố Thuận An;
- Dương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thanh Thủy